

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-ST
Ngày: 28/8/2018
“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Bảo và bà Võ Thị Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên, kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 “V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐST-DS ngày 23/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội. Địa chỉ: Số 169, Phố Linh Đường, Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội. Do Bà Trần Thị Y, Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã A làm đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền ngày 18/4/2018 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã A).

Địa chỉ Phòng giao dịch: Tổ 1, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bà Y có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1963 và ông Ngô Văn P, sinh năm 1956. Cùng trú tại: Tổ 4, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Ông P và bà T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa bà Trần Thị Y là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào 06/3/2014 hộ gia đình bà Phạm Thị T, cùng chồng là ông Ngô Văn P, cư trú tại tổ dân phố 4, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai có vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã A (gọi tắt là Ngân hàng) theo chương trình cho vay hộ gia đình cận nghèo, mục đích vay là nuôi bò sinh sản, tại khế ước số 6600000700585687 với số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) lãi suất 0,78%/

tháng, lãi quá hạn 130% cho vay tín chấp. Thời hạn vay và trả nợ được phân ra 3 kỳ (Kỳ 1, tháng 3/2015 trả 7.000.000đ; kỳ 2, tháng 3/2016 trả 7.000.000đ; kỳ 3, tháng 3/2017 trả 6.000.000đ). Đến kỳ trả nợ cuối là tháng 3/2017 nhưng bà T, ông P vẫn chưa trả số tiền vay trên nên Ngân hàng đã tạo điều kiện gia hạn thời hạn trả nợ thêm 6 tháng đến ngày 06/9/2017 nhưng bà T, ông P vẫn không trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã A vào năm 2017. Sau đó, bà T đồng ý trả 1.000.000đ/tháng cho đến khi hết nợ nên Ngân hàng đã rút đơn khởi kiện. Nhưng sau đó bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng nên tháng 5/2018 Ngân hàng đã khởi kiện lại vụ án, yêu cầu bà T, ông P có trách nhiệm liên đới trả số nợ gốc 20.000.000đ và lãi tính đến tháng 5/2018 là 6.060.000đ cho Ngân hàng.

Sau khi Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết vụ án thì tháng 7 năm 2018 bà T đã trả được số tiền lãi 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho Ngân hàng thông qua tổ vay vốn. Đến nay, bà T, ông P còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 20.000.000đ; tiền lãi là 5.940.000đ (Trong đó lãi trong hạn 5.390.000đ, lãi quá hạn tính đến ngày 28/8/2018 là 550.000đ), tổng cộng gốc và lãi là **25.940.000đ** (*Hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*). Hôm nay Ngân hàng yêu cầu bà T, ông P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch thị xã A.

Bị đơn là bà Phạm Thị T và ông Ngô Văn P, mặc dù đã được Tòa thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng đều cố tình vắng mặt không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Phạm Thị T, ông Ngô Văn P, có nghĩa vụ liên đới trả số nợ gốc và lãi phát sinh tổng cộng là **25.940.000đ** (*Hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*) cho Ngân hàng chính sách xã hội là phù hợp. Về án phí, vì hiện nay bị đơn không P là hộ nghèo hoặc cận nghèo nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.297.00đ (*Một triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị T cùng chồng là ông Ngô Văn P, hiện cư trú tại: Tổ 4, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai có vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã A. Đến nay bà T, ông P chưa trả hết số tiền gốc và lãi đã vay cho Ngân hàng nên xảy ra tranh chấp. Theo quy định tại Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù bị đơn bà T, ông P đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cũng như triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có bất kỳ văn bản, ý kiến hay tài liệu, chứng cứ nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì thế theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện: Theo lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thì xác định: Vào ngày 06/3/2014 hộ gia đình bà Phạm Thị T cùng chồng là ông Ngô Văn P có vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã A (gọi tắt là Ngân hàng) theo chương trình cho vay hộ gia đình cận nghèo, mục đích vay là nuôi bò sinh sản, tại khế ước số 6600000700585687 với số tiền 20.000.000đ, lãi suất 0,78%/ tháng, lãi quá hạn 130% cho vay tín chấp. Đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/3/2017 mà bà T, ông P vẫn chưa trả được số nợ đã vay nên Ngân hàng đã tạo điều kiện gia hạn thêm 6 tháng đến tháng 9/2017 nhưng vẫn chưa trả hết số nợ trên cho Ngân hàng. Tổng số lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh trong quá trình vay từ ngày 06/3/2014 đến ngày 28/8/2018 là 9.040.000đ nhưng bà T đã trả được 3.100.000đ (ngày 06/6/2016 trả 100.000đ, ngày 06/12/2017 trả 1.000.000đ, ngày 06/01/2018 trả 1.000.000đ và ngày 06/7/2018 trả 1.000.000đ) còn lại 5.940.000đ.

[4]. Xét lời khai nêu trên của nguyên đơn với các tài liệu, chứng cứ là sổ vay vốn, Giấy ủy quyền của ông Ngô Văn P lập, có xác nhận tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn, Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ, Bảng kê tính lãi thông tin vay vốn mà Ngân hàng cung cấp thì thấy hoàn toàn phù hợp, đủ cơ sở khẳng định bà Phạm Thị T cùng chồng là ông Ngô Văn P có vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội thông qua

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã A. Hiện nay, bà T, ông P còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 20.000.000đ; tiền lãi là 5.940.000đ (*Trong đó lãi trong hạn 5.390.000đ, lãi quá hạn tính đến ngày 28/8/2018 là 550.000đ*), tổng cộng gốc và lãi là 25.940.000đ (*Hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*). Do đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/09/2017 nhưng bà T, ông P chưa thanh toán hết số nợ gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Việc Ngân hàng cho bà T, ông P vay là nguồn vốn ưu đãi thông qua tổ vay vốn ở tổ dân phố 4, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai, với mục đích sử dụng tiền vay là nuôi bò sinh sản. Vì vậy, việc sử dụng nguồn vốn vay để phát triển kinh tế chung cho gia đình là có cơ sở nên buộc bà Phạm Thị T và ông Ngô Văn P có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch thị xã A, số tiền gốc đã vay là 20.000.000đ, số tiền lãi trong hạn là 5.390.000đ và lãi quá hạn phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/8/2018 là 550.000đ, tổng cộng **25.940.000đ** (*Hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*) là có căn cứ theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về án phí: Hiện nay, hộ gia đình bà Phạm Thị T, ông Ngô Văn P không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T, ông P, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.297.00đ (*Một triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).

Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và 470 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội.

- Buộc bà Phạm Thị T và ông Ngô Văn P, phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã A số tiền gốc 20.000.000đ, số tiền lãi trong hạn là 5.390.000đ và lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/8/2018 là 550.000đ, tổng cộng gốc và lãi là **25.940.000đ** (*Hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

* Về án phí: Buộc bà Phạm Thị T và ông Ngô Văn P, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.297.00đ (*Một triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).

Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/8/2018), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS. TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Trung Toàn